



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KHOÁ CỬ THI LẠI - KỲ THI THÁNG 01/2025

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
					Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
1	20C00589	Huỳnh Nguyễn Trường An	10/07/2005	20T4-QNH1	3.5	8.5	9.0			
2	21C00255	Nguyễn Bình An	03/04/2006	21T4-CNÔ1	6.0					
3	21002443	Nguyễn Đào Thuý An	17/09/2006	21T4-KLB1	8.5	7.8				
4	20001994	Hoàng Võ Quế Anh	03/12/2005	20T4-ĐHĐ1	3.5					
5	20001673	Lê Quốc Anh	22/09/2005	20T4-TKĐ3	5.5	7.5	6.5			
6	21002873	Phạm Quốc Duy Anh	03/05/2006	21T4-ĐCN1	1.3	3.8	V			
7	21003240	Đoàn Tuấn Anh	20/04/2004	21T4-QKS1			9.5			
8	21003300	Thái Ngọc Lan Anh	31/08/2006	21T4-QTD1	5.0	7.8	6.5			
9	21002642	Trần Thị Ngọc Ánh	09/11/2006	21T4-QKS1			6.0			
10	21002205	Trương Hoàng Bách	18/11/2006	21T4-KLB1	0.8	7.3	6.5			
11	20001919	Đoàn Trần Trọng Bảo	18/07/2005	20T4-LTM2	5.8					
12	21002479	Hồ Gia Bảo	17/11/2006	21T4-KML1	V					
13	21003071	Lữ Gia Bảo	30/05/2006	21T4-QTD1	3.3					
14	21002159	Cao Phúc Bảo	13/06/2006	21T4-VSL1			7.5			
15	21002943	Trần Ngọc Bảo Châu	16/11/2006	21T4-KLB1	8.3					
16	21000369	Phù Thi Chi	08/10/2005	21T4-QKS1			5.5			
17	21000653	Đặng Quốc Cường	15/09/2002	21T4-TKĐ1	2.8		5.5			
18	21001959	Ngô Đình Hải Đăng	01/06/2006	21T4-TKĐ1	5.8					
19	21002153	Đỗ Nguyễn Công Danh	14/04/2006	21T4-ĐĐT1	5.0					
20	21002338	Kim Minh Đạt	06/11/2006	21T4-LTM2		7.3				
21	21004225	Hồ Phú Đạt	23/09/2006	21T4-TĐH1			7.0			
22	21002824	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	15/07/2006	21T4-TCD1	3.8					
23	21002055	Nguyễn Quang Đông	19/07/2005	21T4-KXD1	5.5					
24	20001980	Nguyễn Trọng Đức	07/12/2005	20T4-ĐCN1	5.0	7.5	6.8			
25	21004229	Lê Quang Đức	23/04/2006	21T4-NNA2	1.0					
26	21002834	Trần Thị Phương Dung	03/08/2006	21T4-KTD1	7.8	7.8	7.5			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoa	Văn	Sử	
27	21000661	Huỳnh Thị Thu	Dung	13/10/2006	21T4-THU1	5.0					
28	21004211	Võ Nguyễn Mạnh	Dũng	15/02/2006	21T4-TKĐ1	6.3					
29	21002592	Lại Tiến	Dũng	17/11/2006	21T4-ĐCN1	5.0					
30	20004635	Huỳnh Quốc	Dương	06/09/2002	20T4-KXD1	6.8					
31	21002481	Trần Đăng	Dương	04/07/2006	21T4-KLB1	1.5					
32	21001353	Nguyễn Phan Thanh	Duy	25/09/2003	21T4-QTM1	0.0	5.5	7.0			
33	21003317	Vũ Nguyễn Minh	Hà	22/01/2006	21T4-KLB1	5.0		4.0			
34	21004284	Huỳnh Tấn	Hải	18/07/2004	21T4-KLB1	5.0					
35	20002821	Tạ Minh	Hải	25/07/2004	21T4-TCĐ1	9.3	8.5	8.5			
36	20000793	Bùi Thanh	Hậu	14/04/2005	20T4-CCK1	6.5	7.3	V			
37	21002174	Huỳnh Kim Vinh	Hiển	26/07/2006	21T4-TKĐ2	2.0	5.0	5.0			
38	21002886	Nguyễn Thanh	Hiếu	29/04/2006	21T4-KML1	2.8	8.3	6.0			
39	20001368	Nguyễn Bửu	Hòa	09/07/2005	20T4-KML1	V	V				
40	19001017	Trương Việt	Hoàng	04/07/2002	21T4-CNÔ2	3.5	5.3	5.5			
41	21000091	Trần Thái	Hưng	16/05/2005	21T4-LTM1	5.5	6.3	7.5			
42	20005196	Nguyễn Đức	Huy	29/05/2005	20T4-VSL1	2.8	8.3	4.0			
43	21000277	Nguyễn Lê Gia	Huy	27/10/2006	21T4-ĐHĐ1	V	V	V			
44	21000227	Nguyễn Minh	Huy	22/07/2006	21T4-TKĐ1	5.0	6.0	4.0			
45	21002077	Vũ Đức	Huy	16/11/2006	21T4-VSL1	3.5					
46	20000594	Nguyễn Dương Gia	Khang	12/10/2005	20T4-KLB1	5.0					
47	21000481	Nguyễn Hồng	Khang	08/08/2006	21T4-CNÔ2	5.8		8.0			
48	20000059	Nguyễn Võ An	Khang	30/09/2005	21T4-CNÔ2	5.5					
49	21004757	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/2001	21T4-CNÔ2	7.3		8.5			
50	21001721	Lê Quốc Nam	Khánh	04/10/2006	21T4-LTM2	5.0					
51	21000947	Lê Đoàn Nhật	Khánh	26/04/2006	21T4-QTD1	6.0					
52	19001580	Trần Anh	Khoa	04/07/2004	19T4-ĐĐT1	5.8	7.0	9.0			
53	20000911	Lê Đăng	Khoa	03/08/2005	20T4-TĐH1	7.5					
54	21000299	Hà Huỳnh Tuấn	Khoa	05/11/2006	21T4-CNÔ2	6.3	9.5	6.0			
55	21000046	Phạm Anh	Khoa	04/05/2005	21T4-TKĐ1	3.5	5.5	5.0			
56	21000526	Trần Đăng	Khôi	04/07/2006	21T4-CNÔ2	5.0					
57	21003352	Bùi Nhật	Khuông	13/11/2006	21T4-LTM1	5.0	7.0	6.5			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
58	20001397	Khuong Trung	Kiên	02/07/2005	20T4-KML1	3.3					
59	20000816	Nguyễn Tuấn	Kiên	08/10/2005	20T4-TKĐ2	7.3					
60	20001473	Nguyễn Minh	Kiệt	14/11/2005	20T4-CCK1	5.0					
61	21002199	Phạm Ngọc	Kim	27/02/2005	21T4-CNÔ3	5.5	8.3	6.0			
62	20000960	Nguyễn Hoài	Lâm	07/05/2005	20T4-TKĐ2	2.5					
63	21000368	Châu Nhật	Lâm	13/09/2006	21T4-TKĐ1	2.8	5.3	5.0			
64	20001386	Đặng Thành	Lợi	06/01/2005	20T4-TĐH1	0.8					
65	20000123	Đặng Hoàng	Long	13/10/2005	20T4-KXD1	5.0					
66	21000026	Lê Thành	Long	11/11/2006	21T4-CNÔ1	8.3	7.3	7.0			
67	21000336	Nguyễn Hoàng	Long	18/07/2005	21T4-CNÔ2	6.5	7.8	6.5			
68	21001259	Phan Hữu	Luân	11/06/2005	21T4-CNÔ3	0.8					
69	21000699	Đinh Hữu	Luân	23/01/2006	21T4-KML1	V	V	V			
70	20001054	Trương Trọng	Mẫn	18/02/2005	20T4-TKĐ2	5.0					
71	18000396	Phạm Lê	Minh	24/11/2003	18T4-CNÔ2	7.0					
72	20000320	Nguyễn Phong	Minh	30/11/2005	20T4-CNÔ2	5.5	7.5	7.5			
73	21002387	Nguyễn Đình	Minh	07/02/2006	21T4-CCK1	7.0	5.3	6.5			
74	21003328	Lê Dương Nhật	Minh	22/11/2006	21T4-ĐĐT1	5.0	5.0	V			
75	21003588	Nguyễn Thành	Nam	26/12/2006	21T4-ĐCN1		9.3				
76	20001223	Nguyễn Kim Bảo	Ngân	30/07/2004	20T4-TKĐ2	3.0	7.5				
77	21002235	Nguyễn Ngọc	Ngân	29/12/2005	21T4-KTD1	8.5	8.5	8.5			
78	21003088	Dương Thanh Thảo	Nguyên	18/11/2006	21T4-TMĐ1	1.0	5.0	2.5			
79	21003144	Nguyễn Hữu	Nhân	03/07/2006	21T4-KML1	5.0	6.8	8.0			
80	21002788	Dương Minh	Nhật	17/08/2006	21T4-ĐCN1	1.8	7.3	5.5			
81	20002622	Nguyễn Thị Khánh	Như	17/02/2005	20T4-CNM1	5.0	9.3	9.0			
82	20001214	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	27/09/2005	20T4-TKĐ2	2.8	3.5				
83	21000463	Đỗ Nguyễn Phương	Nhung	15/06/2006	21T4-THU1	5.0	8.5	8.5			
84	20000708	Tương Vĩnh	Phát	18/10/2005	20T4-CNÔ3	5.3					
85	20000644	Nguyễn Tấn	Phát	18/08/2005	20T4-QTD1	3.8					
86	21002713	Nguyễn Thành Xuân	Phát	24/09/2006	21T4-KML1	5.3					
87	21002966	Dương Tiến	Phát	25/11/2005	21T4-TKĐ2	5.0					
88	20001416	Nguyễn Hoài	Phong	24/03/2005	20T4-TĐH1	V					

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
89	20000347	Trần Lê	Phú	19/04/2005	20T4-KML1	5.0	7.3	7.5			
90	21002771	Dương Trọng Tài	Phú	28/08/2006	21T4-KML1	3.5	5.3	6.0			
91	20001259	Giang Nguyễn Hoài	Phúc	16/02/2004	20T4-CĐT1	3.3					
92	21003162	Nguyễn Hoàng	Phúc	19/01/2004	21T4-ĐCN1	2.0	1.8	V			
93	20000180	Nguyễn Hồ Vĩnh	Phước	06/01/2005	20T4-CNÔ1	5.0	7.5	7.0			
94	21004213	Trương Hồng	Quân	06/04/2005	21T4-CTM1	3.8	5.0	7.5			
95	21003493	Nguyễn Trương Anh	Quân	19/08/2006	21T4-LTM1	3.5	4.0	7.5			
96	21000189	Nguyễn Bội	Quân	06/06/2006	21T4-TKW1	0.0	5.5	8.0			
97	20000232	Dương Kỳ	Quang	12/11/2005	20T4-TĐH1	V	V	V			
98	21002426	Võ Anh	Quốc	14/05/2006	21T4-TKĐ2	5.0					
99	20005593	Nguyễn Huỳnh Công	Quyền	10/02/2000	20T4-NNA1	6.0					
100	20000089	Nguyễn Võ Phước	Sang	18/08/2005	20T4-CNÔ1	6.3	9.3	9.0			
101	20000329	Nguyễn Trần Bảo	Sang	25/06/2004	20T4-CNÔ2	3.0	1.3	8.5			
102	21003027	Nguyễn Hải	Sang	11/06/2006	21T4-CĐT1	5.0					
103	21002792	Đinh Phước	Sang	21/06/2006	21T4-ĐCN1	7.3	6.0	9.0			
104	21002080	Nguyễn Đức	Sang	01/12/2006	21T4-LTM1		7.8				
105	21000629	Võ Thanh	Sang	16/11/2005	21T4-QTM1	5.0	6.3	7.3			
106	20002675	Trần Mạnh	Tài	05/11/2004	20T4-LTM2	7.0					
107	21000337	Nguyễn Nhật	Tài	27/08/2006	21T4-QTD1	6.0					
108	20000434	Lưu Thành	Tâm	15/06/2001	20T4-CNÔ2	5.0		9.0			
109	20001796	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	19/05/2005	20T4-KLB1	6.5					
110	21000164	Nguyễn Thanh	Tâm	01/01/2006	21T4-CĐT1	3.8					
111	21000135	Võ Thiện	Tâm	09/09/2006	21T4-ĐĐT1	6.3	5.0	8.0			
112	21003668	Lê Trần	Tâm	23/12/2006	21T4-TMĐ1			5.0			
113	20001788	Võ Hoàng	Tấn	25/05/2005	20T4-CCK1	5.0	8.0	V			
114	21003787	Nguyễn Phương	Tây	20/03/2006	21T4-ĐCN1	5.8	6.3				
115	21002076	Dương Hữu	Thắng	19/08/2006	21T4-KML1	3.3	V	V			
116	21004323	Huỳnh Thanh	Thắng	30/06/2006	21T4-CCK1	2.5	2.3	5.5			
117	21003197	Trần Long	Thành	17/08/2006	21T4-VSL1	5.0	6.0	4.0			
118	20002035	Nguyễn Vũ Mai	Thi	06/10/2005	20T4-ĐHĐ1	5.3					
119	21001583	Phạm Đại	Thiên	14/05/2004	21T4-CNÔ3	5.0		6.5			

S/TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
120	21002958	Phạm Trần Minh	Thiện	09/11/2006	21T4-KML1	5.3	8.8	6.0			
121	21000052	Châu Văn	Thiện	21/10/2006	21T4-TKĐ1			3.0			
122	21002328	Nguyễn Phúc	Thiện	12/11/2006	21T4-KXD1	3.5					
123	21002192	Vương Quốc	Thịnh	06/05/2006	21T4-CCK1	5.0	8.0	8.5			
124	21000067	Trần Đức	Thịnh	30/11/2006	21T4-CNÔ1	7.5	9.5	9.0			
125	21003848	Trần Tiến	Thịnh	21/08/2003	21T4-NNA2	5.5	6.0	6.0			
126	21000439	Trần Trường	Thịnh	31/10/2006	21T4-THU1	8.3	9.5	7.5			
127	21003401	Bùi Trương Văn	Thọ	09/12/2006	21T4-VSL1			7.5			
128	20000252	Lê Trần Minh	Thư	01/06/2005	20T4-QKS1		V	V			
129	21000394	Hà Lê Anh	Thư	02/07/2006	21T4-QTD1	V					
130	21004024	Nguyễn Minh	Thuận	31/10/2006	21T4-CMT1	5.0					
131	21002842	Đỗ Thị Thủy	Tiên	28/09/2006	21T4-KTD1	7.5	8.3				
132	20001109	Trần	Tiến	17/05/2005	20T4-CCK1	7.0	7.0	6.0			
133	20001623	Đinh Việt	Tiến	08/04/2005	20T4-CKL1	5.0					
134	21002891	Xôi Trường	Tín	08/09/2006	21T4-CNÔ3	6.0					
135	21002465	Huỳnh Trung	Tín	07/03/2006	21T4-TKĐ2	6.5					
136	21000037	Lương Gia	Toàn	29/06/2006	21T4-CĐT1			5.0			
137	21003261	Huỳnh Ngọc	Trâm	20/01/2006	21T4-QTD1			4.0			
138	21002848	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	05/08/2005	21T4-QTD1			5.5			
139	21002799	Nguyễn Thụy Bích	Trâm	03/05/2006	21T4-TKĐ2	5.0					
140	21002734	Đặng Minh	Trân	23/05/2005	21T4-KLB1			8.0			
141	21002336	Nguyễn Phước Đoan	Trang	18/10/2006	21T4-TKĐ2	5.0					
142	21004674	Huỳnh Minh	Trí	21/02/2006	21T4-KML1			8.0			
143	21004576	Phạm Duy	Trường	12/04/2006	21T4-ĐĐT1	3.8	8.3	3.5			
144	19003876	Phạm Văn	Tú	07/08/2003	19T4-KXD1	0.8					
145	20000768	Lê Đình Minh	Tú	06/12/2005	20T4-CNÔ3	8.5		6.5			
146	21002182	Võ Duy	Tú	25/10/2006	21T4-ĐCN1	0.5	0.3	V			
147	19000415	Đặng Lê Anh	Tuấn	10/10/2004	19T4-CCK1	3.8					
148	19000873	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/12/2004	19T4-CNÔ4	2.8					
149	21003740	Đoàn Duy	Tuấn	02/09/2006	21T4-ĐCN1	5.0	5.3	1.5			
150	21000034	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	15/02/2006	21T4-TĐH1			7.5			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Môn thi					Ghi chú
						Toán	Lý	Hoá	Văn	Sử	
151	21002189	Hoàng Thị Kim	Tuyền	25/10/2006	21T4-TCĐ1		3.3				
152	19000115	Nguyễn Hoàng Phúc	Vinh	03/11/2004	19T4-CNÔ1	V					
153	19001212	Trương Ngọc	Vinh	20/08/2004	19T4-KXD1	2.8		5.5			
154	20001807	Trần Quang	Vinh	26/01/2005	20T4-KXD1	5.0		6.0			
155	21002602	Lê Chí	Vinh	12/09/2006	21T4-ĐĐT1	8.5					
156	19000631	Đặng Long	Vũ	03/08/2003	19T4-CNÔ3	5.0					
157	21000383	Nguyễn Hoàng	Vũ	20/11/2006	21T4-ĐCN1	3.8	9.8	7.5			
158	20001884	Võ Thị Trường	Vy	02/09/2005	20T4-CNM1			5.0			
159	20001842	Trần Thoại	Vy	12/08/2005	20T4-QNH1	5.8	6.0	5.3			
160	21003094	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	11/04/2006	21T4-QTD1	5.0					
161	20004992	Phạm Thị Như	Ý	07/04/2005	20T4-CNM1			3.5			
162	21003310	Bùi Ngọc Như	Ý	13/10/2006	21T4-ĐHĐ1	8.0	9.5	8.5			
163	21003485	Mai Thanh Bảo	Khang	28/03/2006	21T4-QDL1	8.8			6.5	7.5	
164	21000112	Trần Nguyễn Thanh	Khoa	31/03/2006	21T4-QDL1	3.5			6.5	5.0	
165	21000343	Trần Quốc	Thắng	30/11/2005	21T4-QDL1	6.5			5.5	5.5	
166	21002859	Phạm Hà Thu	Trâm	27/04/2006	21T4-QDL1	2.0			8.5	5.0	
167	21002604	Nguyễn Hải	Yến	31/01/2006	21T4-QDL1	1.8			7.5	5.0	

Tổng cộng danh sách có 167 sinh viên

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ